TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh

2. Bà Thị a Mina

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TC, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Dương Lê T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 493, đường B, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 07.12.2018). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Chị **Phạm Thị Kim P,** sinh năm 1990. Vắng mặt.

2.2 Anh **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, đường Đ, khu phố 2, thị trấn TC, huyện Tân Châu, Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn bà Trần Thị H cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà H là anh Dương Lê T trình bày:

Ngày 07/11/2016, chị P, anh Ph có vay của bà Trần Thị H số tiền 55.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng, tính từ ngày 07.11.2016 đến ngày 07/02/2017, thỏa thuận lãi là 2.000.000 đồng/tháng. Nhưng đến nay chị P, anh Ph vẫn chưa thanh toán cho bà H số tiền vay gốc và lãi, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu chị P, anh Ph trả số tiền này.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu anh Ph và chị P cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 55.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 07/02/2017 đến khi kết thúc vụ án, tạm tính tiền lãi đến ngày nộp đơn khởi kiện là 12.100.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi đến ngày nộp đơn kiện là 67.100.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Thị Kim P trình bày:

Trước đây, vào ngày 07/11/2016, chị có vay tiền của chị Nguyễn Thị Thùy C số tiền là 55.000.000 đồng, chị C có yêu cầu chị viết giấy nợ với nội dung là chị vay tiền của bà H số tiền 55.000.000 đồng, vì chị C nói số tiền này là tiền của bà H.

Đến ngày 26/3/2017, chị có vay tiếp của chị C số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 80.000.000 đồng và chị C có yêu cầu chị viết lại giấy nợ mới của số tiền vay cũ 55.000.000 đồng + tiền vay mới 25.000.000 đồng và chị viết giấy nợ chị C. Do tin tưởng chị C vì là bạn bè nên chị không yêu cầu chị C trả lại giấy nợ cũ đã viết nợ tiền bà H 55.000.000 đồng.

Mục đích vay tiền của chị C dùng tiền dùng để kinh doanh quần áo riêng cho chị, từ khi vay tiền đến nay thì vợ chồng chị vẫn còn sống chung với nhau nhưng mỗi người làm công việc riêng. Nếu việc kinh doanh mua bán quần áo có lợi nhuận thì chị dùng tiền để lo cho các con. Do kinh doanh không được dẫn đến thua lỗ nên không có tiền để trả cho chị C.

Đến khoảng đầu năm 2018, chị C có đến nhà chị để đòi tiền thì anh Ph mới biết. Khi vay tiền thì có thỏa thuận trả tiền lãi là 5%/tháng, chị trả lãi được 03 tháng thì ngưng không trả nữa.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu chị và anh Ph cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 55.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 12.100.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 67.100.000 đồng thì chị đồng ý trả số tiền này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Anh là chồng của chị Phạm Thị Kim P, anh không họ hàng hay quen biết gì với bà Trần Thị H, anh làm nghề kinh doanh mua bán, vợ anh làm nghề kinh doanh mua

bán quần áo riêng, không liên quan gì đến nhau. Việc chị P có vay tiền của bà H hay không thì anh không biết vì anh không nghe chị P nói lại.

Chị P kinh doanh quần áo nhằm mục đích có tiền để tiêu xài cá nhân, không đem tiền về lo cho gia đình, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do ba mẹ anh chi tiêu, vợ chồng anh vẫn còn sống chung nhà từ ngày kết hôn đến nay.

Nay, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu anh và chị P trả số tiền vay gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi 12.100.000 đồng, tổng cộng 67.100.000 đồng anh không đồng ý trả vì số tiền này không liên quan đến anh.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với chị Phạm Thị Kim P và anh Nguyễn Văn Ph. Anh Ph, chị P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc là là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; chị Phạm Thị Kim P, anh Nguyễn Văn Ph là bị đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, anh Ph, chị P.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 11/12/2018, bà Trần Thị H cho chị Phạm Thị Kim P vay 55.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 2.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận thời hạn

trả 03 tháng, khi vay chị P không thế chấp tài sản. Đến ngày trả nợ thì chị P không trả nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P về số tiền vay gốc 55.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy nợ ngày 07/11/2016, chị Phạm Thị Kim P thừa nhận có ký giấy nhận nợ cho bà Trần Thị H số tiền 55.000.000 đồng và thừa nhận có nợ bà H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Ph cho rằng số tiền mà chị P vay của bà H thì anh không biết, chị P vay tiền của bà H dùng để kinh doanh riêng cho chị P, chị P dùng tiền để tiêu xài cá nhân, không đem tiền về cho gia đình. Nhưng anh Ph thừa nhận từ khi kết hôn với chị P đến nay thì anh và chị P vẫn còn sống chung nhà. Mặc khác chị P trình bày chị vay tiền dùng để kinh doanh mua bán, mục đích nếu có lợi nhuận thì chị dùng tiền để lo cho con chung của chị P, anh Ph, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh Ph và chị P, số tiền vay này nhằm mục đích phục vụ việc kinh doanh của chị P do đó, đây là nợ chung giữa chị P và anh Ph, nên Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này cần buộc anh Ph cùng có trách nhiệm với chị P trả số tiền này cho bà H.

[4] Xét về việc bà H yêu cầu chị P, anh Ph trả số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 07/02/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy nợ ngày 07/11/2016, giữa bà H với chị P có thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng (tức là đến ngày 07/02/2017), đến hẹn trả, anh Ph, chị P không trả cho bà H số tiền vay trên nên xác định ngày anh Ph, chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/02/2017. Khi thỏa thuận cho vay tiền có thỏa thuận tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng/55.000.000 đồng, mức lãi suất này vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định. Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất là 1.125%/tháng. Do nguyên đơn tự nguyện yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: 55.000.000 đồng x 1% x 29 tháng 17 ngày (từ 08/02/2017 đến 25/7/2019) = 16.261.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 15.900.000 đồng, việc yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi anh Ph, chị P có trách nhiệm trả cho bà H là 55.000.000 đồng + 15.900.000 đồng = 70.900.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị H được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 144; 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 15.900.000 (mười lăm triệu chín trăm nghìn) đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 70.900.000 (bảy mươi triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 26/7/2019 cho đến khi thi hành xong, anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Kim P phải chịu 3.545.000 (ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 1.677.500 (một triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp tại biên lai thu số 0026349 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan